

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2024/HSST

Ngày: 20/5/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Sỹ Thành

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lam Điền

2. Ông Nguyễn Đình Phương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS, ngày 06/5/2024 đối với các bị cáo: 1. Nguyễn Thị Hải Y; Giới tính: Nữ; sinh năm 1972; tại tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1945 và bà: Lê Thị M, sinh năm 1946; Chồng Trương Thanh H, sinh năm 1973 (đã ly hôn); có 03 con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2000)

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1976; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1937 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1942; Vợ: Huỳnh Thị Thanh T1 (đã ly hôn); có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007)

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. Nguyễn Thị Thanh H1; Giới tính: Nữ; sinh năm 1983; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: Số F N, TDP B, P. T, LINK "5" \o "tp."Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú hiện nay: Số 79 Phạm Ngũ Lão, tổ dân phố 2, phường Thành Công, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957; Chồng: Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; có 01 con, sinh năm 2006;

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. Nguyễn Tiên T3; Giới tính: Nam; sinh năm 1988; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Số F thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Tá T4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1957; Vợ: Vũ Thị Kim Y1, sinh năm 1990; có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020);

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Nguyễn Ngọc N1; Giới tính: Nam; sinh năm 1980; tại tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; Con ông: Nguyễn Hồng Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956; Vợ Nguyễn Thị B, sinh năm 1981, có 01 con, sinh năm 2018;

-Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

6. Nguyễn Mạnh H2; Giới tính: Nam; sinh năm 1975; tại tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12 ; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1945 và bà: Lê Thị M, sinh năm 1946; Vợ: Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1982; có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011)

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

7. Nguyễn Sỹ H3; Giới tính: Nam; sinh năm 1981; tại tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKNKTT: Xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú hiện nay: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Sỹ Kiều (đã chết) và bà Nguyễn Thị Chương (đã chết); Vợ: Đinh Thị T6, sinh năm 1985, có 01 con, sinh năm 2006;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”(có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Hữu L3, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người làm chứng: Anh Phạm Nhật Q1, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 14/01/2024, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Ngọc N1, Phạm Nhật Q1, Nguyễn Thị Thanh H1, đến nhà Nguyễn Mạnh H2 tại thôn H, xã E, huyện B để ăn nhậu. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nhậu xong, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Hải Y thống nhất với nhau đến nhà Y để đánh bạc thắng thua bằng tiền. Tại nhà mình, Y lấy ra 01 bộ bài tú lơ khơ (52 lá bài) và trái 01 chiếc chăn màu cam xuống nền để làm chiếu đánh bạc cùng Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Thị Thanh H1, còn Phạm Nhật Q1 do uống say nên vào phòng ngủ. Các bị cáo thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh bài “liêng” thắng thua bằng tiền, quy ước tiền thắng thua mỗi ván cụ thể: Các bị cáo tham gia đánh bạc đặt cược tiền ban đầu mỗi ván với số tiền là 20.000 đồng, sau khi nhận được ba lá bài thì người chơi sẽ đặt cược thêm tùy thuộc vào ba lá bài được chia, có thể chọn tố và cược thêm tiền mức thấp nhất từ 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), cao nhất là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), không giới hạn số lần tố cược thêm tiền. Khi cả nhóm đang đánh bạc thì Nguyễn Văn H4 đến và tham gia đánh bạc, sau khi tham gia đánh bạc được khoảng 10 ván thì bị cáo Y tạm nghỉ vì bị thua nhiều. Đến khoảng 21 giờ 20 phút thì Nguyễn Sỹ H3 đến tham gia đánh bạc thay vị trí của Y. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.520.000 đồng (chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền sử dụng để đánh bạc và số tiền 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng) là tiền xâu để nộp cho bị cáo Y là chủ nhà (tiền xâu được trích ra từ tiền các bị cáo thắng bạc); 01 bộ tú lơ khơ (52 lá bài); 01 chăn màu cam kích thước (1,8 x 2)m và 01 đĩa nhựa đường kính 20cm.

Tại YPERLINK "10" \o "bản kết" bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS, ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện B kết luận giá trị còn lại của 01 phòng bếp có giá trị là 48.275.882 đồng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ gia đình bị cáo Nguyễn Thị Hải Y.

Theo lời khai của Nguyễn Tiến T3 khai nhận mang theo số tiền khoảng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bắt quả tang, T3 thắng số tiền 290.000 đồng, đóng 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) tiền xâu. Nguyễn Văn T mang theo số tiền khoảng 800.000 đồng và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang bị cáo T1 thua số tiền 420.000 đồng. Nguyễn Thị Thanh H1 mang theo số tiền khoảng 500.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang H1 thắng số tiền 190.000 đồng, đóng 10.000 đồng (mười nghìn) tiền xâu. Nguyễn Thị Hải Y mang theo khoảng 800.000 đồng để đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang Y thua số tiền 300.000 đồng. Nguyễn Ngọc N1 mang theo khoảng 400.000 đồng để đánh bạc, trong lúc đánh bạc, Nhất mược T1 số tiền 500.000 đồng để tiếp tục đánh, sau khi thắng một vài ván N1 đã trả lại 500.000 đồng cho T, tổng số tiền N1 dùng để đánh bạc là 900.000 đồng, tại thời điểm bị bắt quả tang Nhất thắng số tiền 420.000 đồng, đóng 20.000 đồng tiền xâu. Nguyễn Mạnh H2 mang theo số tiền khoảng 50.000 đồng để đánh bạc, trong lúc đánh bạc thua hết tiền nên H2 mượn T1 200.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, tổng số tiền H2 sử dụng vào mục đích đánh bạc là 250.000 đồng, sau khi thắng được một vài ván, H2 đã trả lại 200.000 đồng cho T, tại thời điểm bị bắt quả tang H2 thắng số tiền 380.000 đồng. Nguyễn Sỹ H3 mang theo số tiền khoảng 540.000 đồng để đánh bạc. Tại thời điểm bị bắt quả tang H3 thua số tiền 80.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Điều tra đã tạm giữ gồm:

- Số tiền 9.580.000 đồng (chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) gồm: 9.520.000 đồng tiền sử dụng để đánh bạc và số tiền 60.000 đồng là tiền xâu thu tại chiếu bạc.
- 01 bộ bài tú lơ khơ (52 lá bài); 01 chăn màu cam kích thước (1,8 x 2)m và 01 đĩa ăn bằng nhựa đường kính 20cm.

Trong vụ án này ngoài hành vi đánh bạc, Nguyễn Thị Hải Y còn có hành vi gá bạc; tuy nhiên hành vi của Y không đủ yếu tố cấu thành tội gá bạc theo quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự. Đối với anh Phạm Nhật Q1, tuy đi cùng với các bị cáo đến nhà Nguyễn Thị Hải Y nhưng không tham gia đánh bạc và cũng không có hành vi giúp sức cho các bị cáo đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2 và Nguyễn Sỹ H3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2 và Nguyễn Sỹ H3 thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc do các bị cáo thực hiện. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn giữ

nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2 và Nguyễn Sỹ H3 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm,

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T3 từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 2 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

+ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H3 từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Về khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ: Do các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H3 không có thu nhập ổn định hàng tháng và đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo này trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc không lớn và hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo đều khó khăn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình Sự; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 9.520.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và 60.000 đồng tiền xâu thu trên chiếu bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ(52 lá bài); 01 chăn màu cam kích thước (1,8 x 2)m và 01 đĩa ăn bằng nhựa đường kính 20cm là công cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc.

-Đối với căn phòng bếp mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc thuộc quyền sở hữu của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y cùng 03 thành viên gia đình là các con của bị cáo Y. Đây là địa điểm nơi các bị cáo sử dụng đánh bạc chứ không phải vật chứng vụ án đánh bạc nên không cần phải tịch thu theo phần sở hữu tài sản chung của gia đình sung vào ngân sách nhà nước 1/4 giá trị căn phòng với số tiền là 12.068.970 đồng.

Các bị cáo đều thừa nhận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật, không oan sai và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình sai trái, ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định:

Vào chiều tối ngày 14/01/2024, tại căn phòng bếp của gia đình bị cáo Nguyễn Thị Hải Y tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2 và Nguyễn Sỹ H3 đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức đánh bài “liêng”. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 9.580.000 đồng.

Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, được qui định trong Bộ luật Hình sự hiện hành, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện và hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H6tội: **"Đánh bạc"** quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất vụ án thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và mức độ tham gia tội phạm của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tiến T3 sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều hơn, bị cáo Nguyễn Thị Hải Y sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn T ngoài việc sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc, bị cáo còn cho bị cáo N1 vay số tiền 500.000 đồng và cho bị cáo H2 vay số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo này phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo H1, N1, H2, H3.

Bị cáo H2 dùng số tiền để đánh bạc ít nhất và bị cáo H3 tham gia đánh bạc thời gian ít nhất (khoảng 10 phút) nên phải chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm 1, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H5 sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng, cần xem xét trong khi lượng hình

[7] Về khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ: Thấy rằng các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H5 không có thu nhập ổn định hàng tháng và đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo là phù hợp.

[8] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn về việc không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền các bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. + Đối với số tiền 9.520.000 đồng

các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và số tiền 60.000 đồng tiền xu để trên chiếu bạc. Vì vậy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với vật chứng đã thu giữ gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ (52 lá bài); 01 chăn màu cam kích thước (1,8 x 2)m và 01 đĩa ăn bằng nhựa đường kính 20cm là công cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Vì vậy, cần tịch thu để tiêu hủy.

+ Đối với căn phòng bếp mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc thuộc quyền sở hữu của gia đình bị cáo Nguyễn Thị Hải Y cùng 03 thành viên trong gia đình là các con của bị cáo. Các con của bị cáo đều hoàn toàn không biết việc bị cáo sử dụng nơi này làm địa điểm đánh bạc. Vì vậy, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Hải Y phải nộp số tiền $\frac{1}{4}$ giá trị căn phòng là 12.068.970 đồng để sung ngân sách " \o "Nhà" nhà nước là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hải Yên, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H3 phạm tội "**Đánh bạc**" theo qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y 2 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. 1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H7 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 cho Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám

sát, giáo dục bị cáo.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

1.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N101 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bnhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án

1.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H209 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bnhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

1.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ H8(chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 19/01/2024 = 15 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bnhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H3cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắkgiám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợpvới chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H9đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H10thực hiện một số nghĩa vụ theo qui định về cải tạo không giam giữ và phải thực hiện những nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáoNguyễn Thị Thanh H11, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H3trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b,ckhoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1.Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 9.520.000đ (chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)các bị cáo sử dụng đánh bạc và số tiền xâu thu tại chiếu bạc 60.000đ(sáu mươi nghìn đồng).

2.2. Tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ (52 lá bài); 01 chăn màu cam kích thước (1,8 x 2)m và 01 đĩa ăn bằng nhựa đường kính 20cm là công cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc.*(các vật chứng này có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bvà Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn)*

2.3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hải Yphải nộp số tiền^{1/4} giá trị căn phòng dùng làm địa điểm đánh bạc là 12.068.970 đồng (mười hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Mạnh H2, Nguyễn Sỹ H12 bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- CQCSĐT CA huyện Buôn Đôn;
- P. GDKT TAND cấp cao Đắk Lắk
- Những người tham gia tố tụng;
 - Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan THA.HS huyện Buôn Đôn;
- Thi hành án HS
- Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Sỹ Thành